

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2023.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Hoài Đức Huệ.

+ Bà Trần Thanh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 796/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 880/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ E, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số G, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Chị L và anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C ham chơi, không lo gì cho gia đình, mặc dù chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không nghe. Vợ

chồng chỉ sống chung với nhau được 04 tháng thì ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh **C**.

Về con chung: Chị và anh **C** không có con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Chị **L** khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không hợp tác nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Võ Thị Ngọc L**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự có mặt và vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị **Võ Thị Ngọc L** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Trần Văn C** đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh **Trần Văn C** cư trú tại **ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai**; Chị **L** có đơn khởi kiện ly hôn với anh **C**. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **C** kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 15 tháng 8 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, chị **L** và anh **C** có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính tình nhau nên thường gây gổ, cãi vã nhau, hiện vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau trong một thời gian dài. Chị **L** yêu cầu ly hôn anh **C**, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị **L** và anh **C** tồn tại nhiều mâu thuẫn cả hai đã sống ly thân, Tòa án nhiều lần triệu tập anh **C** chị **L** để hòa giải, nhưng anh **C** không hợp tác thể hiện thiện chí không muốn đoàn tụ. Xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị **L** và anh **C** không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát **huyện N** phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị **Võ Thị Ngọc L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Võ Thị Ngọc L** đối với anh **Trần Văn C** về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị **Võ Thị Ngọc L** được ly hôn anh **Trần Văn C**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Võ Thị Ngọc L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên

lai số 0008878 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.
Chị **Võ Thị Ngọc L** đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã (phường) nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Quốc Hoàn